

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của chính phủ quy định về hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức ngày 16 tháng 11 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 308/TTr-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức, địa chỉ tại thôn 2, xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cung cấp nước phục vụ sinh hoạt cho nhân dân tại thôn Tân Bình, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Thôn Tân Bình, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt, lỗ hổng trong thành tạo phun trào bazan hệ tầng Túc Trung $\beta(N2-Q1)_{tt}$ với ký hiệu ĐCTV $\beta(n-qp)$.



4. Tổng số giếng khai thác: 02 giếng.
5. Tổng lượng nước khai thác: $170m^3/ngày\ đêm$
6. Thời hạn của giấy phép là 05 năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục $108,5^0$, múi chiều 3^0)		Lưu lượng ($m^3/ngày\ đêm$)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
LK1	1.323.569	378.482	90	8	40	100	15	40	Tầng chứa nước khe nứt, lỗ hồng trong thành tạo phun trào bazan hệ tầng Túc Trưng $\beta(N_2 - Q_1)tt$
LK2	1.323.623	378.471	80	8	50	100	30	45	

Điều 2. Các yêu cầu đối với Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.
2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.
3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định.
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.
5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước năm 2012.
6. Hàng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.
8. Các yêu cầu khác: Đơn vị có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, phòng chống sụt lún đất, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, đồng thời hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến đất đai khi đưa công trình (giếng khoan) vào khai thác, sử dụng theo quy định.

Điều 3. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước 2012 và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN;
- Cục thuế tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL DA&PTQĐ huyện Tuy Đức;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(N).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên

